

## HOSE 03/12/2013

VNINDEX	511.62	3.09	0.61%
KLGD	125,503,230	CP	
GTGD	1,766.48	Tỷ	
GTR NDTNN	-	21.43	Tỷ
CP Tăng giá	163	CP	
CP Giảm giá	65	CP	
CP Đứng giá	76	CP	



## Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm tích cực, 2 sàn vẫn chưa thể phá được mốc đỉnh cũ**
- ▶ **Thanh khoản thị trường gia tăng mạnh mẽ trong phiên hôm nay**  
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn vượt mốc 2.000 tỷ đồng.
- ▶ **Nợ xấu tính đến cuối 9/2013 đạt 4.62%, tăng 20% so với cuối năm 2012.**  
Ông Lê Minh Hưng phó Thống đốc NHNN chia sẻ tại diễn đàn DN Việt Nam Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam
- ▶ **Ủy ban Giám sát tài chính kiến nghị nên xác lập mặt bằng tỷ giá mới**  
Kiến nghị được đưa ra trong bản báo cáo tình hình kinh tế vĩ mô 11 tháng 2013 Ủy ban Giám sát tài chính
- ▶ **Nhân dân tệ trở thành đồng tiền thanh toán Thương mại Quốc tế nhiều thứ 2**  
Trong tháng 10, khối lượng giao dịch bằng NDT trong TMQT đã tăng lên mức 8.66% Reuters
- ▶ **Ngành Thép - Việt Nam áp thuế chống bán phá giá thép với nhiều nước**  
Mặt hàng thép không gỉ có xuất xứ từ 4 nước sẽ bị áp dụng thuế chống bán phá giá Vietstock
- ▶ **KMR - ký hợp đồng với đối tác ngoại trị giá 2.5 triệu USD**  
Đồng thời KMR sẽ phát hành riêng lẻ 6 triệu cổ phiếu để bổ sung vốn HKKD KMR

## HNX 03/12/2013

HNXINDEX	65.64	0.51	0.78%
KLGD	43,364,308	CP	
GTGD	334.52	Tỷ	
GTR NDTNN	2.43	Tỷ	
CP Tăng giá	132	CP	
CP Giảm giá	75	CP	
CP Đứng giá	172	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	850,510	2,362	12.3	2.9	2.92
HNX	103,150	722	16.4	1.5	4.24
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>953,660</b>	<b>1,859</b>	<b>13.1</b>	<b>2.9</b>	<b>3.10</b>

### Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,010	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,246	5,438	6.5	1.6	0.40
Thép và sản phẩm thép	27,860	1,560	12.8	1.6	1.83
Khai khoáng	12,118	751	39.7	4.9	0.32
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,662	987	11.6	1.3	1.70
Xây dựng	22,446	402	21.5	0.8	3.18
Máy công nghiệp	8,017	2,915	8.1	1.4	0.66
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,225	3,097	10.3	1.1	0.43
Lốp xe	6,082	4,405	7.6	2.3	1.28
Nuôi trồng nông & hải sản	12,359	1,641	10.6	1.2	1.99
Thực phẩm	198,686	3,863	21.8	5.7	0.74
Dược phẩm	13,329	5,962	10.5	3.0	0.79
Phần mềm	13,540	5,015	8.4	1.9	1.11
Sản xuất & phân phối điện	20,380	2,218	6.3	1.2	1.17
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,485	6,178	9.6	3.6	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	27,695	1,618	25.2	2.3	3.18
Môi giới chứng khoán	16,538	694	13.9	0.9	0.58
Ngân hàng	202,965	1,666	10.5	1.3	9.66
Bất động sản	126,342	1,345	16.7	2.8	1.97
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,551	3,971	8.4	1.4	1.44

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	571.71	2.84	0.50%
HNX30	124.23	1.33	1.08%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**Nợ xấu tính đến cuối 9/2013 đạt 4.62%, tăng 20% so với cuối năm 2012.**

**Ủy ban Giám sát tài chính cho rằng nên xác lập mặt bằng tỷ giá mới cho năm 2014**

**Nhân dân tệ trở thành đồng tiền thanh toán Thương mại Quốc tế nhiều thứ 2 Thế giới**

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

**POM - Thép Việt đăng ký mua hơn 5.6 triệu cổ phiếu**

**Ngành Thép - Việt Nam áp thuế chống bán phá giá thép với nhiều nước**

**KMR - ký hợp đồng với đối tác ngoại trị giá 2.5 triệu USD**

## ► Tin kinh tế

Theo Phó thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng chia sẻ tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam 2013 vừa diễn ra sáng 3/12. số liệu các tổ chức tín dụng "tự báo cáo", đến cuối tháng 9/2013, tổng nợ xấu nội bảng là hơn 142.300 tỷ đồng, chiếm 4,62% tổng dư nợ, tăng 20% so với cuối năm 2012. Tốc độ gia tăng nợ xấu bình quân sau 3 quý cũng giảm đáng kể (2,2% một tháng so với mức 3,91% của năm 2012). Trước đó, số liệu từ Ngân hàng Nhà nước cho biết, đến hết tháng 7, nợ xấu các nhà băng "tự báo cáo" là gần 139.000 tỷ đồng (tương đương 4,58% tổng dư nợ).

Trong bản báo cáo về tình hình kinh tế vĩ mô 11 tháng của năm 2013, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia đã nhận định: Mặc dù sản xuất được cải thiện nhưng nền kinh tế vẫn còn khó khăn: sức mua yếu, sản xuất doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, xuất khẩu doanh nghiệp trong nước thấp hơn so với doanh nghiệp FDI, tăng trưởng tín dụng thấp, thu ngân sách thấp... Bên cạnh đó, UB GSTC QG cho rằng năm 2014 cần đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14 - 15% và cơ quan này cũng kiến nghị nên điều chỉnh tỷ giá để mặt hàng xuất khẩu có lợi thế.

Theo tổ chức giao dịch tài chính toàn cầu SWIFT, trong tháng 10, đồng nhân dân tệ (NDT) của Trung Quốc đã vượt qua đồng euro để trở thành đồng tiền được sử dụng trong thanh toán mậu dịch nhiều thứ 2 trên thế giới. Khối lượng giao dịch đồng NDT trong thanh toán mậu dịch quốc tế (Thư bảo lãnh tính dụng và Thư ủy thác nhờ thu - Letters of Credit and Collection) đã tăng lên mức 8.66% trong tháng 10/2013 từ mức 1.89% trong tháng 1/2012. USD vẫn là đồng tiền thanh toán thương mại phổ biến nhất, chiếm 81,08% tổng khối lượng giao dịch thương mại toàn cầu.

## ► Tin doanh nghiệp

Công ty TNHH TM & SX Thép Việt thông báo đăng ký mua 5,633,152 cp CTCP Thép Pomina (HOSE: POM) từ ngày 05/12/2013 đến 03/01/2014 để tái cơ cấu danh mục đầu tư. Dự kiến giao dịch thành công, Thép Việt sẽ nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ từ 116,366,138 cp lên thành 122,019,290 cp POM. Trước đó, từ ngày 01/11 đến 30/11, do biến động thị trường nên Thép Việt chỉ có thể mua được 48,820 cp trong tổng số 5,701,972 cp POM đăng ký trước đó, nâng sở hữu lên thành 116,366,138 cp POM.

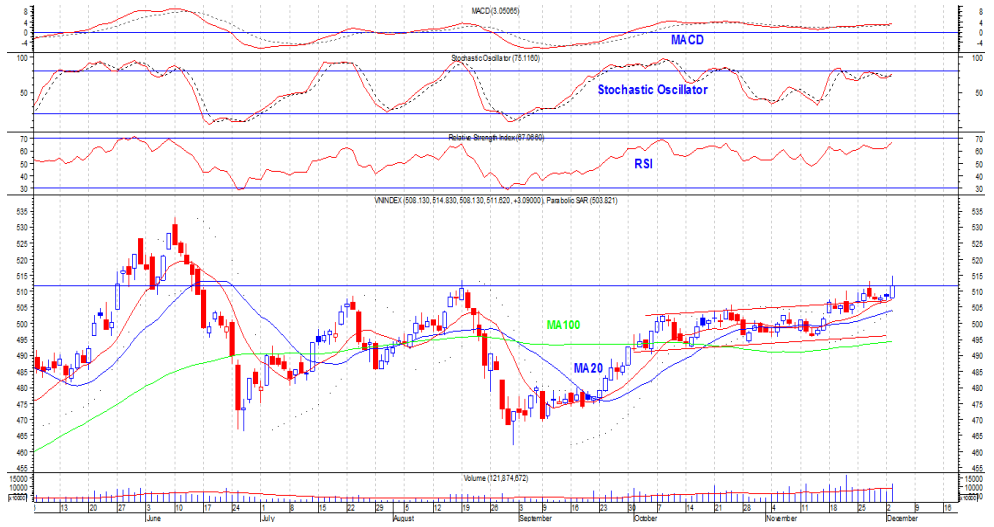
Ngày 3-12, Cục Quản lý cạnh tranh (VCA - Bộ Công thương) công bố kết luận điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng thép không gỉ cán nguội xuất xứ từ Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và Đài Loan sau hơn 5 tháng điều tra. Với kết luận có hiện tượng bán phá giá vào Việt Nam từ 4 nước/vùng lãnh thổ nói trên khiến ngành sản xuất thép không gỉ trong nước "chịu thiệt hại ở mức đáng kể", VCA kiến nghị áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời trong vòng 120 ngày đối với các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài Thép không gỉ là mặt hàng nhập khẩu thứ ba vào Việt Nam bị kiện liên quan đến phòng vệ thương mại, nhưng là mặt hàng đầu tiên bị kiện bán phá giá tại thị trường Việt Nam.

CTCP Mirae (HOSE: KMR) cho biết đã ký hợp đồng bán hàng với hai công ty sản xuất mặt hàng outdoor jacket là Jack Wolf Skin (Đức) và Uniclo (Nhật) với tổng trị giá hợp đồng ban đầu 2.5 triệu USD. Đây là kết quả của việc đẩy mạnh công tác marketing và tham gia các hội chợ may mặc quốc tế tại Mỹ, Đức và Trung Quốc của công ty trong thời gian qua. Thông tin từ KMR cho biết, công ty đang hướng tới kế hoạch doanh thu trong năm tới tăng từ 40- 50% so với năm nay. Ngoài ra, trong tháng 12, công ty sẽ thực hiện kế hoạch phát hành riêng lẻ 6 triệu cổ phiếu cho 2 cổ đông lớn là Công ty Mirae Fiber Tech và ông Shin Young Sik để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh doanh.

**HOSE** 03/12/2013 VNINDEX 511.62 3.09 0.61% 125,503,230 CP 1,766.48 bil VND

### Tăng điểm tích cực, 2 sàn vẫn chưa thể phá đỉnh cũ

VN-Index tăng 3.09 điểm (+0.61%), đóng cửa tại mức 511.62 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh tăng điểm, thân nến dài, thể hiện sự tích cực của chỉ số này, tuy nhiên vẫn đang nằm trong biên độ 507 - 513. - 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên cho thấy xu hướng ngắn hạn của VN-Index vẫn là đi lên.  
 - Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục đi lên.  
 - Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại và sắp đi vào ngưỡng quá mua.  
 - RSI(14) tăng mạnh lên mức 66.  
 - ADX tiếp tục tăng lên, thể hiện xu thế tăng điểm của VN-Index vẫn đang được củng cố.



### HOSE Top 5 theo KLGD

PVT	0.8 (6.9%)	7,590,550
FLC	0.3 (3.9%)	6,855,210
ITA	0.1 (1.5%)	5,410,720
REE	1.2 (4.2%)	5,298,450
PTL	0.2 (6.9%)	4,506,420

### HOSE Top 5 theo % tăng

SCD	1.4 (7.0%)	3,980
KMR	0.6 (7.0%)	3,945,330
PNC	0.3 (7.0%)	6,520
PTL	0.2 (6.9%)	4,506,420
PVT	0.8 (6.9%)	7,590,550

### HOSE Top 5 theo % giảm

HU3	-1.8 (-17.0%)	49,520
FDG	-0.3 (-6.7%)	70
PXM	-0.1 (-6.7%)	50,160
CMT	-0.4 (-6.6%)	24,500
COM	-1.7 (-6.5%)	230

### HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	13.7 tỷ	165,860
HSG	4.0 tỷ	95,900
BVH	3.7 tỷ	90,420
HPG	3.6 tỷ	90,270
GAS	3.5 tỷ	54,340

### HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	40.2 tỷ	1,909,320
PVD	9.4 tỷ	148,360
PVT	4.5 tỷ	365,000
HBC	2.9 tỷ	202,340
CII	1.9 tỷ	100,260

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,489,110	- 21.43

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực ngay từ đầu phiên, REE, PVT... cùng với nhóm cổ phiếu có tính đầu cơ cao tăng giá tích cực tạo hiệu ứng lan tỏa khá tốt.
- ▶ Thanh khoản gia tăng khá mạnh, tuy nhiên lực cầu vẫn chưa đủ mạnh để giúp VN-Index vượt qua được mốc đỉnh cũ 513 điểm.
- ▶ Thị trường nghiêng nhiều về phương án tích lũy tiếp ở vùng 507 - 513. Dòng tiền sẽ phân hóa và hướng nhiều vào các mã kỳ vọng KQKD Quý 4 tốt.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung mạnh ở HAG, nhưng lại mua nhiều ở các mã vốn hóa lớn còn lại, do đó đà bán ròng này sẽ không ảnh hưởng quá nhiều tới TT.
- ▶ NĐT tránh mua đuổi khi thị trường gặp vùng kháng cự ở 510 - 513, có thể xem xét chốt lời. Chỉ gia tăng tỷ trọng khi thị trường vượt ngưỡng 513 với thanh khoản tăng.

### HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	65.0	123,175.00	6,696	9.7	3.7	0.40
VNM	833.5	142.0	118,353.45	8,053	17.5	7.0	0.22
VCB	2,317.4	28.4	65,814.64	1,757	16.2	1.6	9.59
VIC	908.7	71.0	64,519.67	6,710	10.4	4.0	2.74
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	2,287	7.6	1.3	9.54
MSN	734.9	83.0	60,997.64	557	147.3	4.6	1.77
BVH	680.5	41.3	28,103.47	1,618	25.2	2.3	3.18
STB	1,142.5	17.2	19,651.20	703	24.5	1.2	8.60
PVD	275.3	63.0	17,341.47	6,610	9.7	1.6	1.13
HPG	419.1	40.4	16,929.72	3,913	10.3	1.9	1.41

### HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.4	2,884.24	17.1	1.0	NA	CW
PPC	318.2	23.8	7,572.08	3.8	1.5	NA	CW
DPM	379.9	41.3	15,691.28	6.3	1.6	NA	CW
BMP	45.5	72.5	3,297.19	8.3	2.2	NA	CW
VSC	28.6	51.0	1,460.95	6.4	1.8	NA	CW

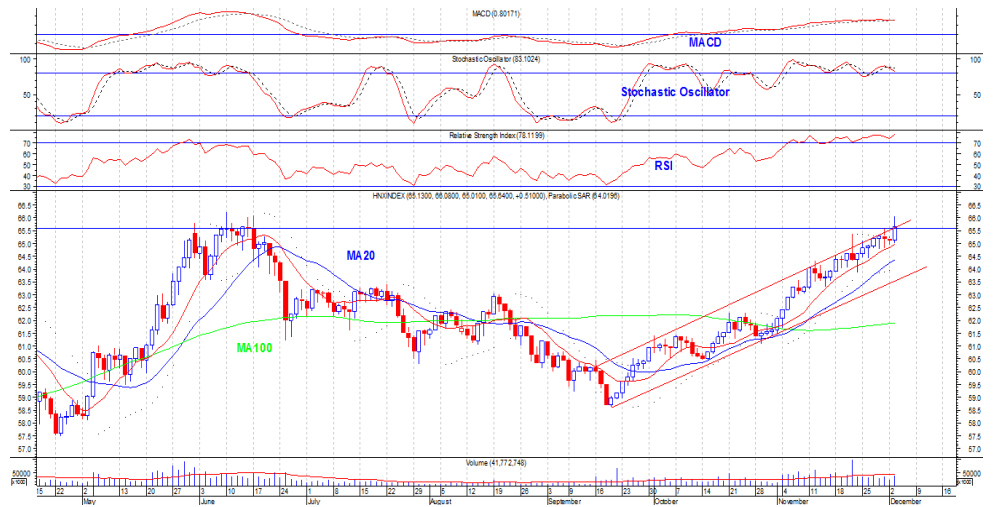
CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

**HNX**      03/12/2013      HNX-Index      65.64      0.51      0.78%      43,364,308 CP      334.52 bil. VND

### Tăng điểm tích cực, 2 sàn vẫn chưa thể phá đỉnh cũ

Chỉ số HNX-Index tăng 0.51 điểm (+0.78%), đóng cửa tại mốc 65.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực, nhưng vẫn chưa thể vượt qua được ngưỡng kháng cự đỉnh cũ.

- 2 đường MA10 và MA20 hướng lên cho thấy xu hướng tăng điểm của sàn này đang khá mạnh.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang ở trong vùng quá mua.
- RSI (14) tăng mạnh lên mức 78.
- ADX tiếp tục gia tăng mạnh cho thấy xu hướng tăng điểm vẫn đang được củng cố.



### HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.2 (2.9%)	3,792,060
SHN	0.1 (11.1%)	3,137,000
VCG	0.2 (2.0%)	2,652,520
PVX	0.1 (4.2%)	2,510,530
SHS	0.1 (1.7%)	1,754,900

### HNX Top 5 theo % tăng

SHN	0.1 (11.1%)	3,137,000
CSC	0.8 (10.0%)	268,800
VE4	0.8 (10.0%)	-
SDG	2.1 (9.9%)	220
VHL	2.3 (9.6%)	1,100

### HNX Top 5 theo % giảm

VNF	-1.9 (-10.0%)	100
GMX	-1.4 (-9.9%)	2,400
KMT	-0.5 (-9.8%)	200
VPC	-0.4 (-9.8%)	374,800
SJM	-0.3 (-9.7%)	62,300

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	1.3 tỷ	68,900
VND	0.7 tỷ	70,000
API	0.5 tỷ	55,000
TIG	0.5 tỷ	70,000
SHB	0.4 tỷ	57,700

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PGS	1.0 tỷ	35,400
DBC	0.4 tỷ	20,000
SDT	0.2 tỷ	10,100
CVT	0.2 tỷ	17,600
RHC	0.2 tỷ	7,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	397,970	2.43

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch tích cực ngay từ đầu phiên, lực cung chốt lời ở vùng đỉnh cũ vẫn khá lớn khiến cho chỉ số này không thể đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
- ▶ Thanh khoản gia tăng mạnh và đạt mức tương đương với bình quân 20 phiên, dòng tiền hướng nhiều tới các mã SCR, AAA, VCG... tạo hiệu ứng lan tỏa khá tốt.
- ▶ Áp lực chốt lời ở sàn Hà Nội khá lớn khi chỉ số này tiếp cận mốc đỉnh cũ. Việc dòng tiền vẫn duy trì khá ổn định, giúp cho khả năng tăng điểm của HNX-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại vẫn đang giữ nhịp mua ròng ở sàn này mặc dù lượng mua đã giảm xuống. Điều này giúp củng cố niềm tin cho nhà đầu tư khá nhiều.
- ▶ NĐT tránh mua đuổi khi thị trường gặp vùng kháng cự ở 65 - 66 điểm, có thể xem xét chốt lời. Chỉ gia tăng tỷ trọng khi thị trường vượt ngưỡng trên với thanh khoản tăng.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	11.53
SQC	110.0	78.2	8,602.00	198	395.7	6.4	0.24
PVS	446.7	18.3	8,174.62	2,872	6.3	1.1	2.15
SHB	886.1	7.1	6,291.19	1,884	3.7	0.6	10.63
OCH	200.0	25.4	5,080.00	687	36.2	2.3	0.95
VCG	441.7	10.1	4,461.28	403	24.6	0.8	3.58
PVI	226.3	16.3	3,687.95	1,239	13.2	0.6	0.81
LAS	77.8	35.4	2,755.25	5,181	6.9	2.2	1.11
NTP	43.3	60.5	2,621.95	7,195	8.3	2.1	0.44
VNR	100.8	22.5	2,268.62	3,470	6.5	0.9	0.91

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.1	1,067.80	5.1	1.2	NA	CW
AAA	19.8	17.5	346.50	4.9	0.6	NA	CW
VND	100.0	10.5	1,049.73	8.1	0.8	NA	CW
NTP	43.3	60.5	2,621.95	8.3	2.1	NA	CW
LHC	2.0	54.8	109.60	2.2	1.0	NA	CW

CB: Xem xét mua | CS: Xem xét bán ra | CH: Xem xét nắm giữ | CW: Theo dõi

Hang T. Nguyen

hangntt@vietinbanksc.com.vn

**Mã CK** ACB  
**Tên công ty** Ngân hàng Á Châu  
**Sở giao dịch** HNX  
**Ngành** Ngân hàng  
**SLCPLH** 921.515 triệu CP  
**GTVH (tỷ)** 14,376 tỷ VND

Giá hiện tại **15.6**  
 Giá mục tiêu **NA TH.DÔI**



Lợi nhuận tăng và sự giảm xuống của tài sản khiến ROA, ROE của ACB 9 tháng đầu 2013 cao hơn so với cùng kỳ 2012. Tuy nhiên, NIM chứng kiến sự giảm mạnh từ 3.5% xuống 2.71%, cho thấy dấu hiệu sa sút của việc quản lý TS sinh lời. Sự trái chiều trong các chỉ số có thể là do sự giảm chi phí hoạt động (tiền lương) của ACB.

Tính thanh khoản của ngân hàng khá tốt khi tỷ lệ cho vay/ tiền gửi dưới 100%. Tuy nhiên tỉ lệ nợ xấu cao khiến chất lượng tài sản của ACB giảm đi.

Chỉ số P/E của ACB cao hơn trung bình ngành, một phần là do lợi nhuận trên một cổ phiếu của ACB thấp hơn trung bình. Chỉ số P/B tuy lớn hơn 1 nhưng vẫn thấp so với TB ngành, thể hiện rằng nhà đầu tư vẫn chưa sẵn sàng trả giá quá cao so với giá trị sổ sách của ACB.

ACB đang giao dịch trong khung 15 -16 và chưa có dấu hiệu bứt phá.

## ► ACB: Quý 3/2013 tỉ lệ nợ xấu tăng vọt qua ngưỡng nguy hiểm lên 3.34% so với 2.5% của năm 2012

Nợ xấu của ACB là 3.34, bất ngờ vượt lên trên ngưỡng nguy hiểm so với thời điểm cuối năm ngoái là 2.5% trong khi mức tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 1.6%. Tuy nhiên, số nợ nằm trong nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) đã giảm hơn một nửa từ 1,150 đến 487 tỷ đồng. Có sự thay đổi trong phần trăm nợ xấu và cơ cấu nợ xấu có thể là do sự bất đầu áp dụng Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ.

Nhận định: ACB là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 7 trong ngành, và chiếm 4.4% thị trường cho vay. ACB đã chứng minh là một ngân hàng mạnh khi vượt qua rất nhiều biến cố. Bên cạnh đó, bong bóng bất động sản không có ảnh hưởng sâu mạnh tới ACB vì ACB định hướng chỉ cho vay mua nhà ở, không cho vay đầu cơ bất động sản, cho thấy ACB tập trung vào lợi nhuận lâu dài hơn là lợi nhuận trước mắt.

Tuy phải giải quyết những hậu quả sau sự kiện 'bầu Kiên', nhưng tình hình kinh doanh của ACB dần hồi phục qua các thời kỳ, đặc biệt quý 3 năm 2013 đã ghi nhận sự hồi sinh sau khi báo cáo lãi ròng 400 tỷ đồng so với mức lỗ 691.5 tỷ của cùng kỳ năm ngoái. Trong quý 3, trừ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh bị lỗ 20.4 tỷ đồng thì các hoạt động khác đều đem về lợi nhuận cho ngân hàng. Đặc biệt, ACB đã thoát khỏi trạng thái âm vàng, thể hiện ở lãi từ việc kinh doanh vàng và ngoại hối là 10 tỷ đồng (cùng kỳ năm trước lỗ 1,144 tỷ đồng).

Với nền móng là một ngân hàng tốt, có thương hiệu và vị thế, đặc biệt là vào quý 4, ACB sẽ tập trung vào tăng trưởng tín dụng, vì thế ACB nhiều khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận trước thuế 1,800 tỷ đồng.

### Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Thu nhập lãi thuần	2,087.0	1,605.0	1,594.0	1,232.0	1,105.4	1,188.6
Thu nhập dịch vụ	191.2	173.3	164.5	171.3	196.5	195.7
Thu nhập HDKD khác	- 13.1	- 1,188.0	- 761.0	38.3	187.9	186.7
Chi phí hoạt động	1,075.1	1,007.4	1,303.1	844.5	884.0	954.9
<b>Lãi ròng</b>	<b>770.4</b>	<b>- 520.7</b>	<b>- 158.6</b>	<b>307.0</b>	<b>408.9</b>	<b>400.8</b>
Tiền và tương đương tiền	8,789	13,502	7,096	5,806	2,763	2,702
Tài sản khác	247,154	200,752	169,916	11,785	166,641	157,775
<b>Tổng tài sản</b>	<b>255,943</b>	<b>214,254</b>	<b>177,012</b>	<b>17,591</b>	<b>169,404</b>	<b>160,477</b>
Công nợ	24,255	201,257	164,248	162,986	15,697	147,666
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>231,688</b>	<b>12,997</b>	<b>12,764</b>	<b>- 145,395</b>	<b>153,707</b>	<b>12,811</b>

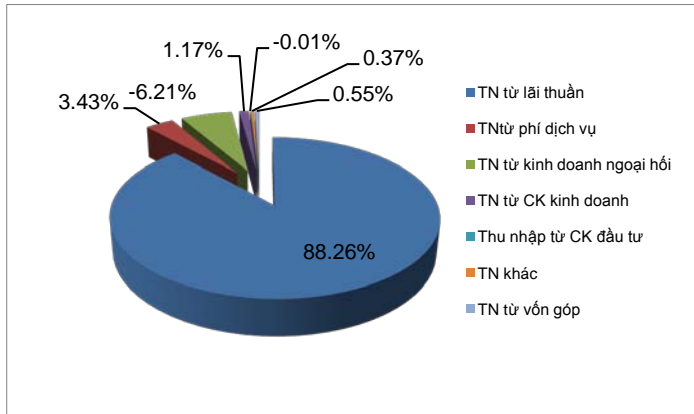
Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
<b>Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động</b>							
ACB	921.5	15.6	14,375.64	1,027	15.2	1.1	11.53
CTG	3,723.4	17.3	64,414.90	2,287	7.6	1.3	9.54
EIB	1,235.5	13.3	16,432.45	965	13.8	1.1	9.45
MBB	1,115.6	12.7	14,168.44	2,040	6.2	0.9	10.33
NVB	297.7	6.4	1,905.09	- 278	- 23.0	0.6	6.70
SHB	886.1	7.0	6,202.58	1,884	3.7	0.6	10.63
STB	1,142.5	17.2	19,651.20	703	24.5	1.2	8.60
VCB	2,317.4	28.4	65,814.64	1,757	16.2	1.6	9.59

### Chỉ số bình quân ngành

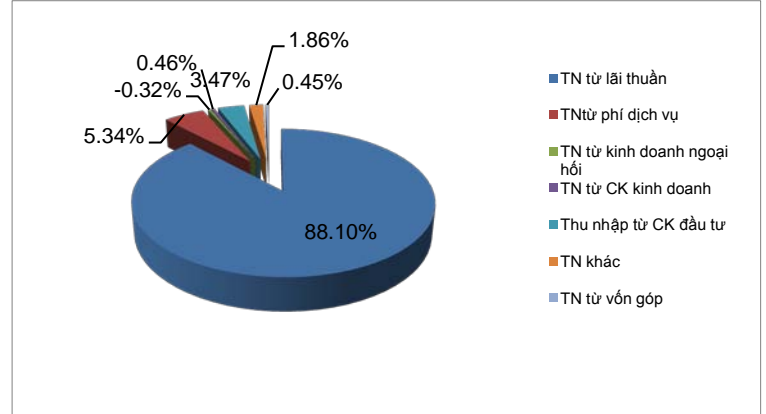
Ngân hàng	202,965.00	1,666	10.5	1.3	9.66
-----------	------------	-------	------	-----	------

## ► Cơ cấu doanh thu thuần

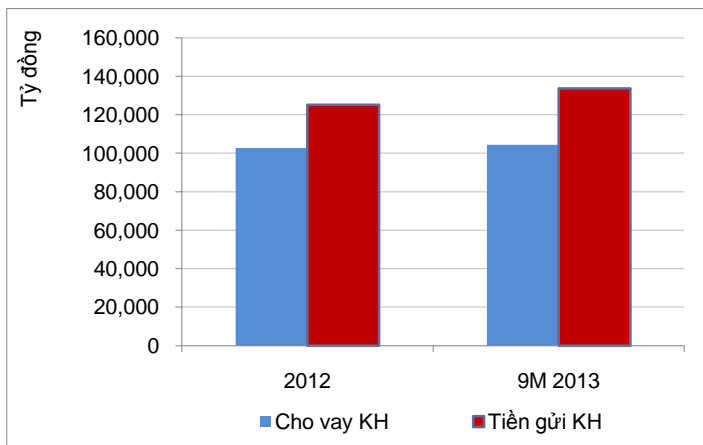
2012



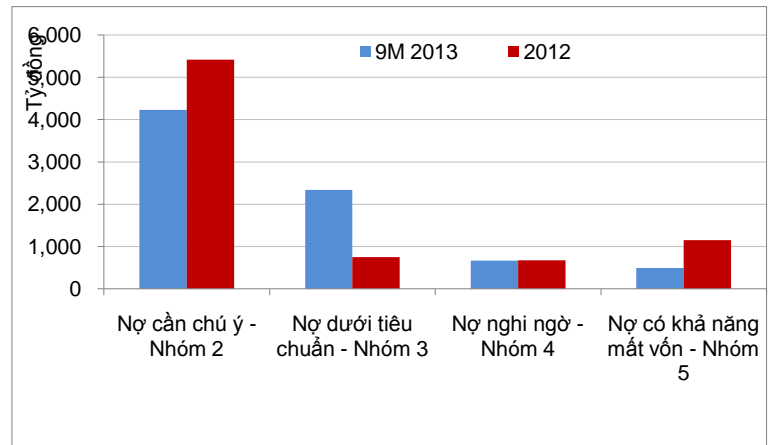
9 tháng 2013



## Cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng



## Nợ phân theo nhóm



KẾT QUẢ KINH DOANH					BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>11,748</b>	<b>16,286</b>	<b>26,500</b>	<b>21,233</b>	Tiền mặt & tương đương	8,499	13,799	13,786	12,651
<b>Thu nhập lãi ròng</b>	<b>2,801</b>	<b>4,164</b>	<b>6,608</b>	<b>6,871</b>	Tiền gửi/cho vay TCTC khác	36,698	33,961	81,274	21,986
Thu nhập lãi	9,614	14,960	25,461	22,269	Chứng khoán kinh doanh	639	978	850	982
Chi phí lãi	(6,813)	(10,797)	(18,853)	(15,398)	Cho vay khách hàng	61,856	86,478	101,823	101,313
<b>Thu nhập ngoài lãi</b>	<b>2,135</b>	<b>1,326</b>	<b>1,039</b>	<b>(1,036)</b>	Chứng khoán đầu tư	32,167	48,202	26,089	24,325
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>4,935</b>	<b>5,490</b>	<b>7,647</b>	<b>5,835</b>	Đầu tư dài hạn khác	<b>1,197</b>	<b>3,004</b>	<b>3,554</b>	<b>1,415</b>
Chi phí hoạt động	(1,809)	(2,160)	(3,147)	(4,271)	Tài sản cố định	873	1,055	1,237	1,473
Chi phí dự phòng	(287)	(227)	(296)	(521)	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
<b>LNR trước thuế</b>	<b>2,838</b>	<b>3,102</b>	<b>4,203</b>	<b>1,043</b>	Tài sản khác	25,952	17,547	51,390	12,150
Thuế	(637)	(767)	(995)	(259)	<b>Tổng tài sản</b>	<b>167,881</b>	<b>205,103</b>	<b>281,019</b>	<b>176,308</b>
<b>LNR sau thuế</b>	<b>2,201</b>	<b>2,335</b>	<b>3,208</b>	<b>784</b>	Vay NHNN	10,257	9,452	6,530	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	Tiền gửi/vay từ TCTD khác	<b>10,450</b>	<b>28,130</b>	<b>34,714</b>	<b>13,749</b>
<b>LNR sau lợi ích thiểu số</b>	<b>2,201</b>	<b>2,335</b>	<b>3,208</b>	<b>784</b>	Huy động từ dân cư	<b>86,919</b>	<b>106,937</b>	<b>142,218</b>	<b>125,234</b>
<b>EPS</b>	<b>2.817</b>	<b>2.490</b>	<b>3.421</b>	<b>0.836</b>	Giấy tờ có giá	26,876	38,614	51,041	20,517
					Nợ khác	23,273	10,594	34,557	4,183
					<b>Tổng nợ</b>	<b>157,775</b>	<b>193,726</b>	<b>269,060</b>	<b>163,683</b>
					Vốn	7,814	9,377	9,377	9,377
					Sổ phiếu quỹ	-	-	-	-
					Vốn khác	-	-	-	-
					Quỹ	953	1,210	1,753	2,582
					Lợi nhuận giữ lại	1,339	790	829	665
					<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>10,106</b>	<b>11,377</b>	<b>11,959</b>	<b>12,624</b>
					Cổ đông thiểu số	-	-	-	-
					<b>Tổng nợ &amp; vốn CSH</b>	<b>167,881</b>	<b>205,103</b>	<b>281,019</b>	<b>176,308</b>
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					TĂNG TRƯỞNG				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
<b>Khả năng sinh lợi</b>					Tài sản		22.2%	37.0%	-37.3%
Thu nhập lãi/tổng thu nhập	56.7%	75.8%	86.4%	117.8%	Vốn CSH		12.6%	5.1%	5.6%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng TN	43.3%	24.2%	13.6%	-17.8%	Cho vay khách hàng		39.8%	17.7%	-0.5%
					Huy động từ dân cư		23.0%	33.0%	-11.9%
Tỷ lệ lãi biên	29.1%	27.8%	26.0%	30.9%	Thu nhập lãi		55.6%	70.2%	-12.5%
Chi phí/Thu nhập	70.9%	72.2%	74.0%	69.1%	Chi phí lãi		58.5%	74.6%	-18.3%
<b>Khả năng thanh toán</b>					Thu nhập lãi ròng		48.7%	58.7%	4.0%
Dư nợ KH/huy động KH	71.2%	80.9%	71.6%	80.9%	Thu nhập ngoài lãi		-37.9%	-21.6%	-199.7%
Dư nợ KH/Tổng huy động	63.5%	64.0%	57.5%	72.9%	Thu nhập hoạt động		11.2%	39.3%	-23.7%
					Chi phí hoạt động		19.4%	45.7%	35.7%
<b>Hệ số an toàn vốn</b>					Lợi nhuận trước thuế		9.3%	35.5%	-75.2%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	Lợi nhuận ròng		6.1%	37.4%	-75.6%
<b>Chất lượng tín dụng</b>									
Nợ xấu/tổng dư nợ	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Dự phòng/nợ xấu	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
<b>Tỷ suất sinh lời</b>									
ROA	1.3%	1.1%	1.1%	0.4%					
ROA	21.8%	20.5%	26.8%	6.2%					

<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,010	4,300	6.4	1.1	0.50
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,246	5,438	6.5	1.6	0.40
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	992	312	17.5	0.4	2.03
Sản xuất giấy	573	397	16.9	0.7	0.93
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	27,860		12.8	1.6	1.83
Khai khoáng					
Khai thác than	1,398	312	29.5	0.7	5.23
Khai khoáng	12,118	751	39.7	4.9	0.32
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	14,662	987	11.6	1.3	1.70
Xây dựng	22,446	402	21.5	0.8	3.18
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,005	2,581	6.9	1.1	1.03
Công nghiệp phức hợp	437	1,656	6.3	0.6	0.33
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,661	1,284	10.7	1.5	1.06
Thiết bị điện	1,432	458	11.8	0.6	1.13
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	30	53	103.1	0.4	0.43
Máy công nghiệp	8,017	2,915	8.1	1.4	0.66
Vận tải					
Vận tải thủy	6,141	2,796	2.6	0.7	1.81
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,225	3,097	10.3	1.1	0.43
Dịch vụ vận tải	4,556	1,672	10.1	1.4	0.80
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,634	1,809	8.4	1.0	2.97
Đào tạo & Việc làm	205	369	20.5	0.6	2.01
Nhà cung cấp thiết bị	166	885	8.7	0.8	2.39
Chất thải & Môi trường	111	6,541	1.8	0.6	1.31
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,890	1,077	14.1	3.5	30.20
Lốp xe	6,082	4,405	7.6	2.3	1.28
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,272	2,750	6.4	1.0	0.89
Vang & Rượu mạnh	207	1,484	15.6	1.6	1.00
Đồ uống & giải khát	181	3,598	4.7	0.9	0.41
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,359	1,641	10.6	1.2	1.99
Thực phẩm	198,686	3,863	21.8	5.7	0.74
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	40	692	4.8	0.5	0.31
Thiết bị gia dụng	2,067	2,036	8.4	1.0	1.17
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	157	4,808	3.6	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,460	2,422	8.1	1.2	1.59
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	4,533	3,086	9.3	1.6	0.91
Thuốc lá					
Thuốc lá	664	-	25.9	0.9	2.58



<b>Chỉ số bình quân ngành</b>	<b>Vốn hóa (tỷ)</b>	<b>EPS</b>	<b>P/E</b>	<b>P/B</b>	<b>D/E</b>
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,011	2,542	7.0	0.9	0.61
Dụng cụ y tế	83	5,281	2.3	1.1	1.30
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	153	870	15.4	1.0	0.43
Dược phẩm	13,329	5,962	10.5	3.0	0.79
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	428	453	75.0	1.3	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	573	471	28.4	0.9	1.06
Phân phối hàng chuyên dụng	2,700	3,177	8.4	1.6	3.96
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	956	1,589	6.7	0.8	0.61
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	4,511	7.3	3.0	1.04
Khách sạn	5,445	583	38.9	2.3	0.90
Dịch vụ giải trí	1,932	605	20.8	1.6	0.81
Vận tải hành khách & Du lịch	1,082	914	19.1	2.0	0.51
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	36	628	8.4	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	454	63	85.1	0.6	1.33
Internet	281	72	52.9	0.7	3.45
Phần mềm	13,540	5,015	8.4	1.9	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	302	583	12.5	0.5	1.46
Thiết bị văn phòng	191	3,383	4.5	0.7	0.21
Thiết bị viễn thông	1,855	705	13.6	0.7	0.33
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,380	2,218	6.3	1.2	1.17
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,485	6,178	9.6	3.6	0.45
Nước	911	2,445	4.9	0.9	0.64
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,094	959	9.5	0.8	1.92
Bảo hiểm phi nhân thọ	5,655	1,272	11.0	0.6	0.87
Tái bảo hiểm	2,269	3,470	6.5	0.9	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	27,695	1,618	25.2	2.3	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,330	196	56.5	1.0	2.61
Môi giới chứng khoán	16,538	694	13.9	0.9	0.58
Ngân hàng					
Ngân hàng	202,965	1,666	10.5	1.3	9.66
Bất động sản					
Bất động sản	126,342	1,345	16.7	2.8	1.97
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	720	3.5	0.3	1.03
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	26,551	3,971	8.4	1.4	1.44

- |                           |  |                          |  |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ <b>Nguyễn Hữu Quang</b> | <b>Giám đốc Tư vấn Đầu tư</b><br>quangnh@vietinbanksc.com.vn   |                          |  |
| ▶ <b>Nguyễn Quang Sắc</b> | sacnq@vietinbanksc.com.vn<br>- Tổng hợp thông tin vĩ mô<br>- Phân tích kỹ thuật<br>- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ <b>Nguyễn Thu Hằng</b> | hangntt@vietinbanksc.com.vn<br>- Ngân hàng<br>- Thép và sản phẩm thép<br>- Dược phẩm               |
| ▶ <b>Nguyễn Hoài Nam</b>  | namnh@vietinbanksc.com.vn<br>- Sản phẩm hóa dầu<br>- Phân phối xăng dầu, khí đốt<br>- Thiết bị và dịch vụ dầu khí    | ▶ <b>Vũ Ánh Nguyệt</b>   | nguyetva@vietinbanksc.com.vn<br>- Nhựa, cao su, sợi<br>- Thực phẩm<br>- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.